Mẫu này hiện có bằng điện tử. Mẫu được chấp thuận - OMB No. 0551-0040

FSA-229-1 (05-18-10) **BỘ NÔNG NGHIỆP HOA KỲ** Cơ Quan Dịch Vụ Canh Nông	1A. Mã Số Tiểu Bang và Quận	2. Số Đơn Xin
ĐƠN XIN VÀO CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP ĐIỀU CHỈNH VỀ THƯƠNG NGHIỆP (TAA) CHO CÁC NÔNG GIA	1B. Quận Quốc Hội	
	3. Hạn Chót Làm Đơn Xin Được Công Bố	4. Ngày FSA Nhận Được

LƯU Ý: *Phát biểu sau đây được thực hiện chiếu theo Đạo Luật về Quyền Riêng Tư năm 1974 (5 USC 552a - đã sửa đổi). Quyền hạn yêu cầu thông tin được nhận ra trong mẫu đơn này là 7CFR Phần 1580 và Đạo Luật Phục Hồi và Tái Đầu Tư Hoa Kỳ năm 2009 (Pub. L. 111-5).*
Thông tin này sẽ được sử dụng để xác định khả năng hội đủ điều kiện hưởng các quyền lợi mà chương trình Trợ Giúp Điều Chỉnh Thương Nghiệp Cho Các Nông Gia cung cấp. Thông tin thu thập trên mẫu đơn này có thể được tiết lộ cho các cơ quan chính phủ của Liên Bang, Tiểu Bang, Địa Phương, các cơ quan bộ tộc, và các đoàn thể phi chính phủ đã được phép sử dụng thông tin theo đạo luật hoặc quy định và/hoặc như đã nêu trong Các Sử Dụng Theo Thông Lệ được nhận ra trong Hệ Thống Thông Báo Hồ Sơ cho USDA/FAS-2, Hồ Sơ Ghi Nhận về Nông Nghiệp (Tự Động). Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu có tính cách tự nguyện. Tuy nhiên, việc không cung cấp thông tin theo yêu cầu sẽ dẫn đến quyết định là không hội đủ điều kiện để tham gia trong Chương Trình Trợ Giúp Điều Chỉnh Thương Nghiệp Cho Các Nông Gia.

Theo Đạo Luật Giảm Thiểu Công Việc Giấy Tờ năm 1995, một cơ quan không được phép tiến hành hoặc bảo trợ, và một người không bắt buộc phải đáp ứng với, việc thu thập thông tin trừ khi cho thấy có số kiểm soát OMB có hiệu lực. Số kiểm soát OMB có hiệu lực cho việc thu thập thông tin này là 0551-0040. Thời gian cần để hoàn tất việc thu thập thông tin này được ước lượng trung bình là 45 phút cho mỗi đáp ứng, kể cả thời gian duyệt qua các chỉ dẫn, tìm kiếm các nguồn dữ liệu hiện hữu, thu gom và giữ lại các dữ liệu cần thiết, và hoàn tất và duyệt xét việc thu thập thông tin. Các điều khoản về hình sự và gian lận dân sự thích hợp, sự kín đáo, và các pháp quy khác có thể ứng dụng cho thông tin đã được cung cấp, ***GỬI LẠI MẪU ĐÃ ĐIỀN NÀY CHO VĂN PHÒNG QUẬN FSA CỦA QUÝ VỊ.***

Chỉ Dẫn: Các nhà sản xuất dùng mẫu này để làm đơn xin hưởng các quyền lợi về huấn luyện và tiền mặt theo Chương Trình Trợ Giúp Điều Chỉnh Thương Nghiệp Cho Các Nông Gia.

PHẦN A – THÔNG TIN VỀ ĐƯƠNG ĐƠN

5A. Tên và Địa Chỉ của Đương Đơn *(Bao gồm Số Zip)*	6. Tên và Địa Chỉ của nơi Hoạt Động Nông Nghiệp *(Nếu khác với Mục 5) (Bao Gồm Số Zip)*
5B. Địa Chỉ E-Mail của Đương Đơn:	
5C. Số Điện Thoại của Đương Đơn *(Bao Gồm Số Vùng):*	

PHẦN B – THỈNH NGUYỆN TAA CHO CÁC NÔNG GIA YÊU CẦU VỀ CÁC QUYỀN LỢI

7. Hàng hóa/Tiểu bang	8. Số Đơn Xin	9. Ngày Nộp Đơn Xin	10A. Ngày Chứng Nhận Đơn Xin
			10B. Hạn Chót để Hoàn Tất và Chấp Thuận các Kế Hoạch Kinh Doanh

PHẦN C – THÔNG TIN VỀ SỰ HỘI ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA ĐƯƠNG ĐƠN – Để thiết lập sự hội đủ điều kiện, đương đơn phải trả lời các mục 11A cho tới 11D và điền vào 1 trong 3 lựa chọn về sự hội đủ điều kiện có nêu trong Mục 11 dưới đây:

11. Thông tin về sản xuất, giá cả và quyền lợi TAA sẽ được điền vào bởi Đương Đơn:		**CÓ**	**KHÔNG**
A.	Đương đơn có nhận được các quyền lợi theo một Chương Trình TAA cho Nông Gia khác hay không?		
B.	Đương đơn có nhận được các quyền lợi theo hoặc Chương Trình TAA cho Nông Gia hoặc FIRMS hay không?		
C.	Đương đơn có sản xuất hàng hóa có thỉnh cầu trong năm tiếp thị (MY) có thỉnh cầu hay không?		
D.	Đương đơn có sản xuất hàng hóa trong một trong 3 năm trước năm tiếp thị có thỉnh cầu không ?		
LỰA CHỌN 1: Lượng sản xuất của đương đơn trong năm có thỉnh cầu có dưới mức sản xuất trong năm gần nhất trước đó hay không?			
E.	Lượng sản xuất cho năm tiếp thị có thỉnh cầu.		
F.	Lượng sản xuất cho năm gần đây nhất của 3 năm trước năm tiếp thị có thỉnh cầu.		
LỰA CHỌN 2: Giá trung bình của đương đơn trong năm tiếp thị có thỉnh cầu có dưới giá trung bình nhận được từ 3 năm gần nhất trước kia hay không?			
G.	Giá trung bình nhận được bởi nhà sản xuất để sản xuất từ năm tiếp thị có thỉnh cầu.	$	
H.	Giá cả nhận được bởi nhà sản xuất để sản xuất từ năm mới đây nhất trước năm tiếp thị có thỉnh cầu.	$	
I.	Giá cả nhận được bởi nhà sản xuất để sản xuất từ năm thứ 2 gần đây nhất trước năm tiếp thị có thỉnh cầu.	$	
J.	Giá cả nhận được bởi nhà sản xuất để sản xuất từ năm thứ 3 gần đây nhất trước năm tiếp thị có thỉnh cầu.	$	
K.	Tổng cộng giá cả nhận được từ 3 năm tiếp thị của các năm trước đó gần đây nhất *(thêm các số liệu vào từ các Mục 11H, 11I, và 11J).*	$	
L.	Mức trung bình của 3 giá: Chia số liệu trong Mục 11K cho 3.	$	
LỰA CHỌN 3: Giá của Quận cho các nhà sản xuất vào ngày nộp đơn xin có dưới giá trung bình cho 3 năm tiếp thị trước kia không?			
M.	Giá của USDA trong quận (*hoặc giá khác nếu giá của USDA không có sẵn*) cho hàng hóa vào ngày nộp đơn xin.	$	
N.	Giá trung bình của USDA trong quận (*hoặc giá khác nếu giá của USDA không có sẵn*) cho 3 năm tiếp thị ngay trước ngày nộp đơn xin.	$	

PHẦN D – CHỨNG NHẬN VÀ CHỮ KÝ CỦA ĐƯƠNG ĐƠN

Nhà sản xuất ký tên dưới đây làm đơn xin hưởng các quyền lợi theo Chương Trình Trợ Giúp Điều Chỉnh về Thương Nghiệp Cho Các Nông Gia (Trade Adjustment Assistance for Farmers - TAAF) và đồng ý tuân theo các đòi hỏi về khả năng hội đủ điều kiện đã được thiết lập bởi quyền hạn pháp định TAAF và các quy định của chương trình trong 7 CFR Phần 1580 để nhận các quyền lợi của chương trình. Đương đơn thừa nhận rằng khả năng hội đủ điều kiện có thể bị bác bỏ dựa theo một hoặc nhiều yêu cầu sau đây: (1) đương đơn phải có lợi tức gộp đã điều chỉnh từ nông nghiệp và không phải nông nghiệp thuộc phạm vi các giới hạn theo luật định và phải tuân thủ với các quy định về người thuê trả tiền thuê bằng tiền mặt, tuân thủ về bảo trì, và chất liệu có kiểm soát; (2) các thanh toán cho kế hoạch kinh doanh được áp dụng theo các giới hạn thanh toán theo luật định và có thể giảm bớt bởi một yếu tố đồng nhất đã được thiết lập bởi CCC để tổng chi tiêu cho chương trình không vượt quá các giới hạn theo luật định; (3) các chi trả phải chiếu theo các điều khoản của Đạo Luật Cải Tiến Việc Đòi Nợ; (4) khả năng hội đủ điều kiện chịu sự chi phối bởi các điều khoản về Gian Lận Bảo Hiểm Vụ Mùa Của Liên Bang; (5) các điều khoản về pháp nhân được phép, quyết định của cá nhân, và các quyết định của pháp nhân thuộc chính quyền tiểu bang và địa phương có thể áp dụng; (6) việc nhận các thanh toán cho kế hoạch kinh doanh còn tùy thuộc vào sự chấp thuận của Cơ Quan Dịch Vụ Nông Nghiệp về một kế hoạch kinh doanh lúc đầu và/hoặc sau cùng trước ngày cho thấy trong Mục 10B; và (7) bất cứ đơn xin TAAF nào cũng phải được nhận không quá ngày đáo hạn đã được công bố cho mỗi hàng hóa đã được xác nhận và cho thấy trong Mục 3 của đơn xin này. Đương đơn ký tên dưới đây xác nhận rằng: (1) mọi thông tin cho vào đơn xin này là đúng sự thực và chính xác và đương đơn là một nhà sản xuất hàng hóa có thỉnh cầu trong năm vụ mùa có thỉnh cầu và một trong 3 năm vụ mùa liên tiếp; và (2) đương đơn đã không nhận được các quyền lợi về tiền mặt chiếu theo TAA cho Công Nhân hoặc TAA cho các chương trình Firms, hoặc các quyền lợi TAAF theo một thỉnh cầu về hàng hóa khác. Đương đơn hiểu rằng việc cung cấp số và loại nhận dạng người đóng thuế có tính cách tình nguyện nhưng không thể cung cấp các quyền lợi nếu không có thông tin này. Đương đơn đồng ý, nếu yêu cầu, cung cấp: (1) bất cứ tài liệu nào theo đòi hỏi để xác định khả năng hội đủ điều kiện cho chương trình theo sự thỏa đáng của Ủy Ban FSA Quận, và (2) các trả lời cho sự đánh giá chương trình về ảnh hưởng đối với các thay đổi về việc làm và kinh doanh. Đương đơn hiểu rằng việc cung cấp sự xác nhận gian dối đối với Chính Phủ Hoa Kỳ có thể bị phạt tù, phạt tiền hoặc các hình phạt khác. Các pháp quy về gian lận hình sự và dân sự áp dụng cho việc xác nhận này, có thể bao gồm 15 USC 286 714m, 18 USC 286, 297, 371, 641, 651, và 1001; và 31 USC.

12. Chữ Ký của Đương Đơn	13. Thành Viên Khác Trong Gia Đình hoặc Đại Diện Đoàn Thể Được Phép Tham Dự Huấn Luyện (P) Chính : (S) Phụ	14A. Số ID Thuế	14B. Loại ID Thuế	15. Ngày Ký tên *(THÁNG-NGÀY-NĂM)*	16. Từ Chối Thanh Toán	
					CÓ	KHÔNG
	(P)					
	(S)					

PHẦN E - DUYỆT XÉT CỦA CCC VỀ THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ GIÁ CẢ ĐÃ NỘP

17. Duyệt xét Mục 11 và đánh dấu vào các Mục A, B, và C và điền vào một trong 3 lựa chọn D, E, và F dưới đây:	CÓ	KHÔNG
A. Đơn xin có được nộp trong thời kỳ nộp đơn là 90 ngày hay không? *(Xem các ngày đã cho vào trong các mục 3 và 4.)*?		
B. Đương đơn có sản xuất trong năm tiếp thị (MY) có thỉnh cầu hay không (Xem Mục 11C)?		
C. Đương đơn có sản xuất hàng hóa trong một trong 3 năm trước năm tiếp thị có thỉnh cầu hay không *(Xem Mục 11D)*?		
LỰA CHỌN 1.		
D. Số lượng trong Mục 11E có ít hơn số lượng trong Mục 11F không?		
LỰA CHỌN 2.		
E. Giá cả trong Mục 11E có ít hơn giá trung bình 3 năm trong Mục 11L không?		
LỰA CHỌN 3.		
F. Giá cả trong Mục 11M có thấp hơn giá trong Mục 11N không?		

PHẦN F – QUYẾT ĐỊNH CỦA CCC VỀ VIỆC CHẤP THUẬN CHO HUẤN LUYỆN

18. Để đơn xin được chấp thuận, các trả lời cho câu hỏi sau đây trong các mục 11 và 17 phải là:

A. "CÓ", cho các câu hỏi "A", "B", và "C" trong Mục 17.

B. "CÓ", cho ít nhất là một trong các câu hỏi "D", "E", hoặc "F" trong Mục 17.

C. "KHÔNG", cho cả câu hỏi "A" và "B" trong Mục 11.

19. Tình Trạng Đơn Xin: CHẤP THUẬN ☐ GIỚI THIỆU ĐẾN FAS ☐ *(Nếu không được chấp thuận, điền vào mục 20)*

20. Chứng minh là đúng để giới thiệu đến FAS:

21A. Tên và Địa Chỉ của Văn Phòng FSA Quận *(Bao gồm Số Zip)*	21B. Số Điện Thoại *(Bao Gồm Số Vùng)*

22A. Chữ ký của Đại Diện COC	22B. Danh Hiệu của Đại Diện COC	22C. Ngày Ký *(THÁNG-NGÀY-NĂM)*
23A. Chữ ký của Người Duyệt Xét Thuộc Nhóm Thứ Hai	23B. Danh Hiệu của Người Duyệt Xét Thuộc Nhóm Thứ Hai	23C. Ngày Ký *(THÁNG-NGÀY-NĂM)*

Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ (USDA) cấm kỳ thị trong tất cả các chương trình và hoạt động của Bộ dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi, tàn phế, và nếu áp dụng, giới tính, tình trạng hôn phối, tình trạng gia đình, tình trạng cha mẹ, tôn giáo, khuynh hướng tình dục, niềm tin chính trị, thông tin về di truyền, trả đũa, hoặc vì tất cả hoặc một phần lợi tức của cá nhân được rút từ bất cứ chương trình trợ giúp công cộng nào. (Không phải tất cả các nền tảng cấm đoán đều áp dụng cho mọi chương trình.) Những người bị khuyết tật cần có phương tiện khác để truyền đạt thông tin về chương trình (chữ nổi Braille, chữ in khổ lớn, băng ghi âm, v.v...) nên liên lạc với Trung Tâm TARGET của USDA tại (202) 720-2600 (tiếng nói và TDD). Để nộp đơn than phiền về sự kỳ thị, xin viết gửi cho USDA, Assistant Secretary for Civil Rights, Office of the Assistant Secretary for Civil Rights, 1400 Independence Avenue, S.W., Stop 9410, Washington, DC 20250-9410, hoặc gọi số điện thoại miễn phí tại (866) 632-9992 (Tiếng Anh) hoặc (800) 877-8339 (TDD) hoặc (866) 377-8642 (Tiếp vận-Liên Bang bằng tiếng Anh) hoặc (800) 845-6136 (Tiếp vận Liên Bang bằng tiếng Tây Ban Nha). USDA là một cơ quan và hãng sở có cơ hội đồng đều.